

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLEI
TỈNH KON TUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 14/2025/QĐST-DS Đ, ngày 17 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 3 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 25/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 (số cũ số 48/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024) về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP L1 (L2)

Trụ sở: Tòa nhà LPB Tower, số B T, Phường T, Quận H, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Công T1 – Chức vụ: Giám đốc
Ngân hàng TMCP L1 – Chi nhánh K1

Người được uỷ quyền lại:

+ Ông Nguyễn Ngọc S - Phó giám đốc kiêm Trưởng phòng KHCN - Ngân hàng TMCP L1 – Chi nhánh K1

+ Ông Nguyễn Thái K – Chức vụ: Trưởng bộ phận - Phòng G - Ngân hàng TMCP L1 – Chi nhánh K1.

- Đồng bị đơn: Ông A T2 và bà Y Sa L

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ, thời gian trả nợ và xử lý tài sản thế chấp:

Tính đến hết ngày 07/3/2025, ông A T2 và bà Y Sa L còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 số tiền là: **150.029.641 đồng** (*Một trăm năm mươi triệu không trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi một đồng*). Trong đó: nợ gốc là 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*), lãi quá hạn: 8.157.653 đồng (*Tám triệu một trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng*), lãi phạt gốc quá hạn: 11.330.836 đồng (*Mười một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng*); lãi phạt lãi quá hạn: 541.152 đồng (*Năm trăm bốn mươi một nghìn một trăm năm mươi hai đồng*).

Chậm nhất là đến hết ngày 30/04/2025, ông A T2 và bà Y Sa L có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 tổng số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 07/3/2025 là **150.029.641 đồng** (*Một trăm năm mươi triệu không trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi một đồng*) và lãi suất phát sinh trên số dư nợ còn lại kể từ ngày 08/3/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HDTD90C2023264 ngày 22/09/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L1.

Kể từ ngày các đương sự có thỏa thuận trả nợ và nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 có đơn yêu cầu thi hành án mà ông A T2 và bà Y Sa L chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh đối với số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã ký kết và phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Nếu đến thời hạn theo thỏa thuận mà ông A T2 và bà Y Sa L không trả hoặc trả chưa hết khoản tiền nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: (1) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 81, tờ bản đồ số 35, địa chỉ: thôn C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 227121 do UBND huyện Đ cấp ngày 20/12/2005; (2) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 04, tờ bản đồ số 40, địa chỉ: thôn C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 227483 do UBND huyện Đ cấp ngày 20/12/2005; (3) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 09, tờ bản đồ số 41, địa chỉ: thôn C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 227484 do UBND huyện Đ cấp ngày 20/12/2005; (4) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 70, tờ bản đồ số 35, địa chỉ: thôn C, thị trấn Đ, huyện

Đ, tỉnh Kon Tum; theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 227488 do UBND huyện Đ cấp ngày 20/12/2005; theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 38HĐTC90C202118 ngày 21/01/2021 được ký kết giữa Ngân hàng B – Phòng giao dịch huyện G và A T2 và bà Y Sa L để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo quy định pháp luật.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông A T2 và bà Y Sa L đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần L1. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ, buộc ông A T2 và bà Y Sa L tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số HDTD90C202326422/09/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi.

2.2. Về chi phí tố tụng

Ông A T2 và bà Y Sa L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm

Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông A T2 và bà Y Sa L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.750.741 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn bảy trăm bốn mươi một nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 3.485.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002479 ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Glei;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glei;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN